

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Gấm và bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Kim A, sinh năm 1991; thường trú: 267B/16 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Trần Vũ H, sinh năm 1990; thường trú: 267B/16 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Minh H, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Như L, sinh năm 1968; thường trú: 267B/16 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Kim A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim A và anh Đoàn Trần Vũ H sau thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/2011, quyền số 02/2011, cấp ngày 20/9/2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng

chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở địa 267B/16 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình, năm 2016 anh H bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 06 năm tù và hiện chị Kim A đã về nhà cha mẹ để sinh sống được 08 tháng nay. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với anh Đoàn Trần Vũ H nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung, tên Đoàn Trần Bảo C, sinh ngày 18/10/2011 và Đoàn Trần Nhã K, sinh ngày 13/7/2016, hiện cháu C đang sống cùng ông bà nội còn cháu K đang sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 10 năm 2019, anh Đoàn Trần Vũ H trình bày:*

Anh H thống nhất với chị Hồ Thị Kim A về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi, không chăm lo cho gia đình, hiện nay lại phải chấp hành hình phạt vì thực hiện hành vi phạm tội. Anh vẫn còn thương vợ nhưng chị Anh yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung, tên Đoàn Trần Bảo C, sinh ngày 18/10/2011 và Đoàn Trần Nhã K, sinh ngày 13/7/2016. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh H, Trần Thị Như L khai:* Ông H, bà L là cha mẹ ruột của anh Đoàn Trần Vũ H. Anh Hiệp với chị Kim A tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn, anh Hiệp và chị Kim A sống cùng ông bà. Đến năm 2016, anh H bị bạn bè lôi kéo nên đã phạm tội và phải đi chấp hành án, chị Kim A thì không còn sinh sống ở gia đình ông bà nữa. Nay chị Kim A yêu cầu ly hôn với anh H thì ông bà không có ý kiến gì. Từ khi chị Kim A sinh cháu Đoàn Trần Bảo C thì ông bà là người nuôi dưỡng, tuy nhiên, chị Kim A ly hôn và yêu cầu được nuôi cháu C bà cũng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Kim A và anh H do Tòa án tiến hành ngày 10/7/2019, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị Kim A và anh H trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị Kim A không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc,

nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị Hồ Thị Kim A và anh Đoàn Trần Vũ H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91 ngày 20/9/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc do bị đơn ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình, năm 2016 bị đơn phải đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm của nguyên đơn giành cho chồng cũng phai nhạt dần. Cả hai đều thuận tình ly hôn, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hồ Thị Kim A và anh Đoàn Trần Vũ H có hai con chung tên Đoàn Trần Bảo C, sinh ngày 18/10/2011 và Đoàn Trần Nhã K, sinh ngày 13/7/2016. Hiện con chung Đoàn Trần Bảo C đang sống chung với bà L và ông H; cháu Đoàn Trần Nhã K đang sống chung cùng với mẹ. Mặc dù cháu Đoàn Trần Bảo C mong muốn sống chung với ông bà nội. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, sau khi ly hôn nguyên đơn là người trực tiếp nuôi

dưỡng hai con. Ông H và bà C không có ý kiến gì. Hiện nay, anh H đang chấp hành án, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn, giao 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Kim A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim A được ly hôn với anh Đoàn Trần Vũ H.

Về con chung: Anh Đoàn Trần Vũ H, bà Trần Thị Như L và ông Đoàn Minh H giao con hai chung Đoàn Trần Bảo C, sinh ngày 18/10/2011 và Đoàn Trần Nhã K, sinh ngày 13/7/2016 cho chị Hồ Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Thị Kim A không yêu cầu anh Đoàn Trần Vũ H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Đoàn Trần Vũ H và chị Hồ Thị Kim A đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Kim A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028668 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND Phường B,
thị xã D, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền